

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ QUẢNG THÀNH**

Số: 73 /UBND

V/v rà soát và cung cấp tài liệu phục  
vụ việc chấm điểm Chỉ số CCHC xã  
năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Thành, ngày 24 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Bộ phận Tư pháp;
- Bộ phận Văn hóa và xã hội;
- Bộ phận Tài chính - Kế toán;
- Bộ phận Địa chính;
- Bộ phận Văn phòng-Thống kê.

Căn cứ Quyết định dự thảo của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Để có cơ sở tổng hợp báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của xã năm 2022 đúng thời gian quy định, UBND xã yêu cầu:

1. Bộ phận Tư pháp; Bộ phận Văn hóa và xã hội; Bộ phận Tài chính - Kế toán; Bộ phận Văn phòng-Thống kê; Bộ phận Địa chính tự chấm điểm đối với các lĩnh vực được phân công (Có phân công tại phụ lục kèm theo) cung cấp các tài liệu kiểm chứng (là file văn bản điện tử có chữ ký số) là các văn bản nêu tại phụ lục kèm theo Công văn này. Trường hợp không có tài liệu kiểm chứng các bộ phận phải giải trình về công việc đã làm (nêu ngắn gọn, súc tích, thể hiện được đầy đủ các việc đã làm). Các bộ phận gửi tự rà soát và cung cấp tài liệu kiểm chứng về bộ phận Văn phòng-Thống kê để rà soát trước ngày **15/9/2022**.

**(Lưu ý: Đến thời điểm chấm điểm CCHC năm 2022 các bộ phận được phân quyền trên phần mềm sẽ tiến hành tự chấm điểm, giải trình, đính kèm tài liệu kiểm chứng của bộ phận mình theo quy định và chịu trách chính trước đồng chí Chủ tịch UBND về các tiêu chí được phân quyền chấm điểm và đính kèm tài liệu kiểm chứng trên phần mềm).**

2. Giao trách nhiệm cho bộ phận Văn phòng-Thống kê tổng hợp bảng tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của xã và lập các thành phần hồ sơ theo Quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kèm theo Quyết định dự thảo của UBND tỉnh và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

*Nhận được Công văn này, UBND xã yêu cầu bộ phận có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định. Trường hợp bộ phận nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian yêu cầu, gây chậm trễ, ảnh hưởng đến việc tự chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của xã thì các bộ phận có liên quan phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã ./.*

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT. UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Khoa**

**Phụ lục**  
**BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG THỊ TRẤN**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm chuẩn</b>
<b>1,00</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)</b>	<b>9,00</b>
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>	<b>2,00</b>
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1,00
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 1</i>	
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 0</i>	
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1,00
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ hoàn thành x 1)/100%</i>	
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>	
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ</b>	<b>1,00</b>
	<i>Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 1</i>	
	<i>Thiếu mỗi báo cáo/báo cáo không đạt yêu cầu hoặc không có phụ lục bị trừ 0,25 điểm</i>	
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra, giám sát CCHC</b>	<b>2,00</b>
1.3.1	Kiểm tra, giám sát công tác CCHC	1,00
	<i>UBND cấp xã: 0,5</i>	
	<i>Đảng ủy hoặc HĐND hoặc các tổ chức đoàn thể: 0,5</i>	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1,00
	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1</i>	
	<i>Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>	
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>2,00</b>
1.4.1	Tuyên truyền trong cán bộ, công chức	1,00
	<i>Tổ chức đánh giá tổng kết về thực hiện công tác CCHC của địa phương hàng năm (có thể lồng ghép với Hội nghị khác): 0,5</i>	
	<i>Tham gia bồi dưỡng, tập huấn, Hội nghị quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC do các cấp tổ chức: 0,5</i>	
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1,00
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0,5</i>	
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0,5</i>	
<b>1.5</b>	<b>Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC</b>	<b>1,00</b>
	<i>Có từ 1 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên: 1</i>	
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0</i>	
<b>1.6</b>	<b>Thực hiện theo Ý kiến chỉ đạo của UBND cấp huyện</b>	<b>1,00</b>
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 1</i>	

	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0,5</i>	
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>	
<b>2,00</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (QPPL) TẠI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>5,00</b>
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (THPL)</b>	<b>2,50</b>
2.1.1	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình THPL	1,00
	<i>Ban hành Kế hoạch đầy đủ, đúng thời gian quy định: 1</i>	
	<i>Ban hành Kế hoạch đầy đủ, không đúng thời gian quy định: 0,5</i>	
	<i>Không ban hành Kế hoạch: 0</i>	
2.1.2	Điều tra, khảo sát tình hình THPL	0,50
	<i>Tổ chức điều tra, khảo sát: 0,5</i>	
	<i>Không tổ chức điều tra khảo sát: 0</i>	
2.1.3	Báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL	1,00
	<i>Ban hành báo cáo kịp thời, có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định: 1</i>	
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời hoặc có số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định: 0,5</i>	
	<i>Không ban hành báo cáo: 0</i>	
<b>2.2</b>	<b>Thực hiện công bố văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>	<b>0,50</b>
	<i>Công bố chậm nhất đến ngày 31 tháng 01 hàng năm: 0,5</i>	
	<i>Công bố sau ngày 31 tháng 01 hàng năm: 0,25</i>	
	<i>Không công bố: 0 điểm.</i>	
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL sau rà soát</b>	<b>1,00</b>
	<i>Đầy đủ, đúng thời gian: 1</i>	
	<i>Có xử lý nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian: 0,5</i>	
	<i>Không xử lý: 0</i>	
<b>2.4</b>	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</b>	<b>1,00</b>
	<i>100% văn bản được xử lý kịp thời: 1</i>	
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản được xử lý kịp thời: 0,5</i>	
	<i>Dưới 80% văn bản được xử lý: 0</i>	
<b>3,00</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)</b>	<b>15,00</b>
<b>3.1</b>	<b>Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>2,00</b>
3.1.1	Niên yết, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử của địa phương	1,00
	<i>100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được niêm yết, công khai đầy đủ, đúng quy định: 1</i>	
	<i>Từ 95% - dưới 100% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0,5</i>	
	<i>Dưới 95% TTHC hoặc Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết, công khai đúng quy định: 0</i>	

3.1.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã	1,00
	<i>100% hồ sơ TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định: 1</i>	
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định: 0</i>	
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>2,50</b>
3.2.1	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	1,00
	<i>100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (trừ những thủ tục UBND tỉnh cho phép chưa thực hiện): 1</i>	
	<i>Từ 95% - dưới 100% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (trừ những thủ tục UBND tỉnh cho phép chưa thực hiện): 0,5</i>	
	<i>Dưới 95% TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì nội dung này: 0</i>	
3.2.2	Tiếp nhận thành phần hồ sơ theo quy định của TTHC	1,00
	<i>Tiếp nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định: 1</i>	
	<i>Tiếp nhận dư thành phần hồ sơ hoặc thiếu thành phần hồ sơ nhưng không sử dụng phiếu đề nghị bổ sung theo quy định: 0</i>	
3.2.3	Cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống Một cửa điện tử của UBND cấp xã	0,50
	<i>100% số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý thực tế được nhập trên Hệ thống: 0,5</i>	
	<i>Dưới 100% số lượng hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý thực tế được nhập trên Hệ thống: 0</i>	
<b>3,3</b>	<b>TTHC được cập nhật và thiết lập đúng theo quy trình điện tử trên phần mềm</b>	<b>1,00</b>
	<i>100% TTHC được thiết lập đúng quy trình: 1</i>	
	<i>Từ 95 % - dưới 100% TTHC được thiết lập đúng quy trình: 0,5</i>	
	<i>Dưới 95% TTHC được thiết lập đúng: 0</i>	
<b>3.4</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>	<b>5,00</b>
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận, xử lý trong năm được giải quyết đúng hạn	2,00
	<i>Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 2)/100%</i>	
	<i>Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>	
3.4.2	Đánh giá việc giải quyết TTHC theo có chế một cửa, một cửa liên thông	1,00
	<i>Có tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 1</i>	
	<i>Không tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 0</i>	
3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	1,50

	<i>100% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1,5</i>	
	<i>Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 1</i>	
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC bị trễ hạn, chậm giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</i>	
3.4.4	<b>Thực hiện cập nhật, số hóa trên phần mềm</b>	<b>1,00</b>
	<i>100% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 1</i>	
	<i>Từ 95% - dưới 100% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 0,5</i>	
	<i>Dưới 95% hồ sơ đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm: 0</i>	
3.5	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, TTHC</b>	<b>2,00</b>
3.5.1	Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã	0,50
	<i>Đầy đủ thông tin theo quy định: 0,5</i>	
	<i>Không đầy đủ thông tin theo quy định: 0</i>	
3.5.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, TTHC	1,00
	<i>100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý và đảm bảo thời gian theo yêu cầu: 1</i>	
	<i>100% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý nhưng có phản ánh, kiến nghị xử lý chậm: 0,5</i>	
	<i>Có phản ánh, kiến nghị không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý: 0</i>	
3.5.3	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính, TTHC thuộc thẩm quyền	0,50
	<i>100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,5</i>	
	<i>Vẫn còn phản ánh, kiến nghị đã xử lý, trả lời nhưng chưa công khai theo quy định: 0</i>	
3.6	<b>Thực hiện khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính</b>	<b>1,00</b>
	<i>Thực hiện đạt yêu cầu: 1</i>	
	<i>Nếu không đạt theo yêu cầu: 0</i>	
3.7	<b>Thực hiện báo cáo công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử</b>	<b>1,00</b>
	<i>Báo cáo định kỳ công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đúng thời gian và nội dung quy định: 1</i>	
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian quy định: 0</i>	
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>3,00</b>
4.1	<b>Thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp xã</b>	<b>0,50</b>
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i>	
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0</i>	

<b>4.2</b>	<b>Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở cấp xã</b>	<b>1,50</b>
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 0.5</i>	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 0.5</i>	
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định về tiếp công dân: 0.5</i>	
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại UBND cấp xã</b>	<b>1,00</b>
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>	
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>	
<b>5,00</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>10,00</b>
<b>5.1</b>	<b>Tổ chức bộ máy cấp xã</b>	<b>5,00</b>
5.1.1	Công chức chuyên môn được bố trí theo đúng vị trí chức danh	1,00
	<i>Đúng quy định: 1</i>	
	<i>Không đúng quy định: 0</i>	
5.1.2	Tỷ lệ đạt chuẩn công chức cấp xã	1,50
	<i>100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1,5</i>	
	<i>Từ 90% - dưới 100% công chức cấp xã đạt chuẩn: 1</i>	
	<i>Dưới 90% công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>	
5.1.3	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1,50
	<i>100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1,5</i>	
	<i>Từ 90% - dưới 100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1</i>	
	<i>Dưới 90% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>	
5.1.4	Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	1,00
	<i>Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đúng quy định: 1</i>	
	<i>Bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không đúng theo quy định: 0</i>	
<b>5.2</b>	<b>Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</b>	<b>4,50</b>
5.2.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	1,50
	<i>Đúng quy định: 1,5</i>	
	<i>Không đúng quy định: 0</i>	
5.2.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	2,00
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức bị kỷ luật: 2</i>	
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật ở mức khiển trách: 1</i>	
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0</i>	
5.2.3	Cập nhật thông tin cán bộ, công chức vào phần mềm "Quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh"	1,00
	<i>Từ 90% - 100% cán bộ, công chức cập nhật thông tin và phần mềm: 1</i>	
	<i>Dưới 90% cán bộ, công chức cập nhật thông tin và phần mềm: 0</i>	
<b>5.3</b>	<b>Cán bộ, công chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức</b>	<b>0,50</b>
	<i>Từ 90% - 100% cán bộ, công chức tham gia: 0.5</i>	
	<i>Dưới 90% cán bộ, công chức tham gia: 0</i>	

<b>6,00</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>9,00</b>
<b>6.1</b>	<b>Thực hiện công tác quyết toán ngân sách</b>	<b>2,00</b>
6.1.1	Thực hiện chế độ công khai quyết toán ngân sách theo quy định	1,00
	<i>Công khai đảm bảo thời gian quy định: 1</i>	
	<i>Có công khai nhưng không đảm bảo thời gian quy định: 0,25</i>	
	<i>Không công khai: 0</i>	
6.1.2	Hồ sơ quyết toán đảm bảo	1,00
	<i>Đúng nội dung, đầy đủ mẫu biểu và đảm bảo thời gian quy định: 1</i>	
	<i>Đúng nội dung, đầy đủ mẫu biểu nhưng không đảm bảo thời gian quy định: 0,5</i>	
	<i>Không đúng nội dung, mẫu biểu hoặc thời gian quy định hoặc cả hai: 0</i>	
<b>6.2</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>3,00</b>
6.2.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	2,00
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% trở lên so với kế hoạch được giao: 2</i>	
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 50% - dưới 70% so với kế hoạch được giao: 1</i>	
	<i>Đạt dưới 50% so với kế hoạch được giao: 0</i>	
6.2.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách	1,00
	<i>100% số kiến nghị được thực hiện: 1</i>	
	<i>Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0,5</i>	
	<i>Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0</i>	
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan và đơn vị trực thuộc theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP</b>	<b>2,50</b>
6.3.1	Báo cáo kết quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1,50
	<i>Có báo cáo theo đúng thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền: 1,5</i>	
	<i>Có nhưng không đúng thời gian quy định của cơ quan có thẩm quyền: 1</i>	
	<i>Không có báo cáo: 0</i>	
6.3.2	Thu nhập tăng thêm của đơn vị (TNTT)	1,00
	<i>TNTT bình quân tháng từ mức 0,2 lương cơ sở trở lên: 1</i>	
	<i>TNTT bình quân tháng nhỏ hơn mức 0,2 lương cơ sở: 0,5</i>	
	<i>Không có thu nhập tăng thêm: 0</i>	
<b>6.4</b>	<b>Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định</b>	<b>1,50</b>
	<i>Có ban hành: 1,5</i>	
	<i>Không ban hành: 0</i>	
<b>7,00</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>15,00</b>
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>3,00</b>



7.1.1	Kế hoạch Ứng dụng CNTT	1,00
	<i>Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT đảm bảo quy định : 1</i>	
	<i>Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT chậm, chất lượng hạn chế: 0</i>	
7.1.2	Ban hành kế hoạch và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết TTHC	1,00
	<i>Có ban hành kế hoạch: 1</i>	
	<i>Không ban hành kế hoạch: 0</i>	
7.1.3	Chuyên mục Chuyên đổi số trên trang thông tin điện tử của đơn vị	1,00
	<i>Có chuyên mục và có bài viết: 1</i>	
	<i>Không có chuyên mục: 0</i>	
<b>7.2</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4</b>	<b>1,00</b>
	<i>Từ 20% số hồ sơ TTHC được xử lý mức độ 3, 4 trở lên: 1</i>	
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC được xử lý mức độ 3, 4 thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số hồ sơ x 1)/20%</i>	
<b>7.3</b>	<b>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</b>	<b>2,00</b>
7.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1,00
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>	
	<i>Từ 5% - dưới 10% số hồ sơ: 0.5</i>	
	<i>Dưới 5% số hồ sơ: 0</i>	
7.3.2	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1,00
	<i>Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>	
	<i>Từ 10% - dưới 20% số hồ sơ: 0.5</i>	
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>	
<b>7.4</b>	<b>Triển khai Văn bản điện tử</b>	<b>2,00</b>
7.4.1	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng	1,00
	<i>Từ 90% - 100% văn bản điện tử được trao đổi trên môi trường mạng (trừ văn bản mật): 1</i>	
	<i>Dưới 90% văn bản điện tử được trao đổi trên môi trường mạng (trừ văn bản mật): 0</i>	
7.4.2	Tỷ lệ văn bản đi được ký số của UBND cấp xã	1,00
	<i>Từ 80% - 100% văn bản đi được ký số/tổng số: 1</i>	
	<i>Dưới 80% văn bản đi có chữ ký số: 0</i>	
<b>7.5</b>	<b>Triển khai Hue-S</b>	<b>1,00</b>
	<i>100% cán bộ, công chức trong đơn vị cài đặt Hue-S: 1</i>	
	<i>Dưới 100% cán bộ, công chức trong đơn vị cài đặt Hue-S: 0</i>	
<b>7.6</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</b>	<b>3,00</b>
7.6.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015	1,00
	<i>100% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 1</i>	
	<i>Từ 90% - dưới 100% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 0,5</i>	
	<i>Dưới 100% TTHC đã được UBND tỉnh phê duyệt đã được công bố: 0</i>	

7.6.2	Công bố ISO 9001 theo quy định	1,00
	<i>Đã công bố: 1</i>	
	<i>Chưa công bố: 0</i>	
7.6.3	Thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1,00
	<i>Đầy đủ, đúng quy trình: 1</i>	
	<i>Chưa đầy đủ hoặc chưa đúng: 0.5</i>	
	<i>Chưa đủ và chưa đúng: 0</i>	
<b>7.7</b>	<b>Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ</b>	<b>3,00</b>
7.7.1	Thực hiện Công tác quản lý văn bản đi, văn bản đến qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH)	1,00
	<i>100% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 1</i>	
	<i>Từ 60% đến dưới 100% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 0,5</i>	
	<i>Dưới 60% văn bản được xử lý trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 0</i>	
7.7.2	Lập Danh mục hồ sơ UBND cấp xã	1,00
	<i>Đã ban hành Danh mục hồ sơ của và cập nhật Danh mục trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 1</i>	
	<i>Đã ban hành Danh mục hồ sơ nhưng chưa cập nhật Danh mục trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 0,5</i>	
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>	
7.7.3	Lập hồ sơ theo Danh mục hồ sơ UBND cấp xã trên Hệ thống QLVB&ĐH	1,00
	<i>Đã lập hồ sơ đầy đủ theo Danh mục hồ sơ trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 1</i>	
	<i>Đã lập hồ sơ nhưng chưa đầy đủ theo Danh mục hồ sơ trên Hệ thống QLVB&amp;ĐH: 0,5</i>	
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>	
<b>8,00</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KT-XH</b>	<b>4,00</b>
<b>8.1</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã theo Kế hoạch được HĐND huyện giao</b>	<b>2,00</b>
	<i>Thu đạt chỉ tiêu từ 70% trở lên: 2</i>	
	<i>Thu đạt chỉ tiêu từ 50% đến dưới 70%: 1</i>	
	<i>Thu đạt chỉ tiêu dưới 50%: 0</i>	
<b>8.2</b>	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND xã và UBND huyện giao</b>	<b>2,00</b>
	<i>100% chỉ tiêu đạt và vượt: 2</i>	
	<i>Từ 85% - dưới 100% chỉ tiêu đạt và vượt: 1</i>	
	<i>Dưới 85% chỉ tiêu đạt và vượt: 0</i>	
<b>9,00</b>	<b>ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC (SIPAS)</b>	<b>30,00</b>
<b>9.1</b>	<b>Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ</b>	<b>6,00</b>
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ) x 6</i>	

<b>9.2</b>	<b>Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC</b>	<b>6,00</b>
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số hài lòng về tổ chức giải quyết TTHC) x 6</i>	
<b>9.3</b>	<b>Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC</b>	<b>6,00</b>
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC) x 6</i>	
<b>9.4</b>	<b>Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC</b>	<b>6,00</b>
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC) x 6</i>	
<b>9.5</b>	<b>Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC</b>	<b>6,00</b>
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, xử lý PAKN) x 6</i>	
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100,00</b>